

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104/2026/HS-PT**

Ngày 28-4-2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng**

**Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung**

**Ông Cao Văn Hiếu**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Trung Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo **Võ Thị Thúy H** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 124/2025/HS-ST ngày 12/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**Võ Thị Thúy H**, sinh ngày 15/9/1990, tại thành phố Đà Nẵng; Số CCCD 049190011431; nơi cư trú: **thôn Đ, xã N, thành phố Đà Nẵng**; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông **Võ Đức T** (đã chết) và bà **Dương Thị T1**, sinh năm 1966; Bị cáo có chồng là **Đỗ Ngọc B** (đã ly hôn vào năm 2021) và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 16/01/2025. Ngày 24/01/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “**Cấm đi khỏi nơi cư trú**”.

**\* Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị **Đỗ Thị Minh T2**.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 11/2023, do muốn có tiền tiêu xài, **Võ Thị Thúy H** nảy sinh ý định thành lập doanh nghiệp để mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT). **H** mượn căn cước công dân của ông **Lê Quang P** để đăng ký thành lập **Công ty TNHH V** (mã số thuế 4001276304). Công ty này thực tế không hoạt động kinh doanh, không có địa điểm làm việc, không cung cấp dịch vụ vận tải như đăng ký, chỉ được lập ra để phục vụ việc mua bán hóa đơn.

Từ ngày 07/01/2024 đến ngày 25/6/2024, để hợp thức hoạt động kinh doanh, **H** lên mạng xã hội tìm các trang bán hoá đơn, rồi dùng “sim rác” (không nhớ số thuê bao) liên hệ mua đơn 36 hoá đơn giá trị gia tăng (các mặt hàng xi măng, xăng, bia) của một số công ty với giá từ 1,0% - 05% trên tổng giá trị hàng hoá. Cũng trong khoảng thời gian đó, **H** đã xuất bán 41 hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) theo yêu cầu của công ty, tổ chức, mỗi hoá đơn bán ra, **H** thu lợi 07% trên tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ xuất hoá đơn. Cụ thể:

\* Từ tháng 01/2024 đến ngày 29/6/2024, **H** lên mạng xã hội để tìm các trang bán hoá đơn (dùng sim không nhớ rõ số thuê bao) liên lạc với người phụ nữ không rõ lai lịch để mua 36 (ba mươi sáu) hoá đơn GTGT đầu vào của các doanh nghiệp sau:

- Ngày 15/01/2024, **H** mua 01 (một) hoá đơn của **Công ty TNHH T5** (Mã số thuế: 0401956434, địa chỉ: **A T, phường T, TP Đà Nẵng**) từ người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch, ký hiệu hoá đơn: C24TYT, số hoá đơn: **17** với tổng giá trị hàng hoá là 18.000.000 đồng (chưa có thuế GTGT). **H** trả tiền mua hoá đơn là 5% trên tổng giá trị hàng hoá là 18.000.000đ x 5% = **900.000** đồng.

- Từ ngày 04/3/2024 đến ngày 29/6/2024, **H** mua 15 (mười lăm) hoá đơn của **Công ty TNHH Q** (Mã số thuế: 0400126494, địa chỉ: **B T, phường L, TP Đà Nẵng**) từ một người phụ nữ không rõ lai lịch tại **Bến xe Đ**, ký hiệu hoá đơn C24TVN, số hoá đơn 11036, 11188, 11336, 11474, 11606, 11787, 12128, 12314, 12683, 13901, 14277, 15350, 15751, 16266 và 16677 với tổng giá trị hàng hoá (chưa có thuế GTGT) là 138.109.617 đồng. **H** trả tiền mua hoá đơn là 5% trên tổng giá trị hàng hoá là 138.109.617đ x 5% = 6.905.408 đồng.

- Từ ngày 22/3/2024 đến ngày 25/3/2024, **H** mua 02 (hai) hoá đơn của **Doanh nghiệp tư nhân T6** (Mã số thuế: 0400276531, địa chỉ: **D N, phường L, TP Đà Nẵng**)

từ một người phụ nữ không rõ lai lịch tại **Bến xe Đ**: ký hiệu hoá đơn C24TMS, số hoá đơn 174 và 179 với tổng giá trị hàng hoá (chưa có thuế GTGT) là 36.299.537 đồng. **H** trả tiền mua hoá đơn là 2,5% trên tổng giá trị hàng hoá là  $36.299.537đ \times 2,5\% = 907.488$  đồng.

- Từ ngày 20/3/2024 đến ngày 23/3/2024, **H** mua 04 (bốn) hoá đơn Công ty **Công ty TNHH T7** (Mã số thuế: 4001189789, địa chỉ: **Tổ B, KP H, phường Đ, TP Đà Nẵng**) từ một người phụ nữ không rõ lai lịch tại **Bến xe Đ**: ký hiệu hoá đơn C24TPT, số hoá đơn: 1, 3, 8 và 23 với tổng giá trị hàng hoá (chưa có thuế GTGT) là: 72.284.722 đồng. **H** trả tiền mua hoá đơn là 2,5% trên tổng giá trị hàng hoá là  $72.284.722đ \times 2,5\% = 1.807.118$  đồng.

- Từ ngày 20/3/2024 đến ngày 23/3/2024, **H** mua 03 (ba) hoá đơn **Doanh nghiệp tư nhân S** (Mã số thuế: 4000362198, địa chỉ: **tổ dân phố Y, xã X, TP Đ**) từ một người phụ nữ không rõ lai lịch, ký hiệu hoá đơn: C24TSI, số hoá đơn: 485, 506 và 523 với tổng giá trị hàng hoá (chưa có thuế GTGT) của 03 hoá đơn là: 251.640.000 đồng. **H** trả tiền mua hoá đơn là 2,5% trên tổng giá trị hàng hoá (chưa có thuế GTGT) là  $251.640.000 \times 1\% = 2.516.400$  đồng. **H** chưa thanh toán tiền mua hoá đơn.

- Từ ngày 25/3/2024 đến ngày 29/3/2024, **H** trực tiếp mua 07 (bảy) hoá đơn **Công ty TNHH T8** (Mã số thuế: 4000344209, địa chỉ: **C P, xã T, TP Đ**) từ một người phụ nữ không rõ lai lịch, ký hiệu hoá đơn: C24TDH, số hoá đơn: 341, 350, 365, 384, 914, 929 và 941 với tổng giá trị hàng hoá (chưa có thuế GTGT) là: 2.005.745.454đ. **H** trả tiền mua hoá đơn 1% trên, số tiền bà **H** mua 07 hoá đơn là  $2.005.745.454 \times 1\% = 20.057.454$  đồng. Sau khi thoả thuận với ông **Dương Đình D** - Giám đốc, ông **D1** chỉ lấy số tiền bán hoá đơn là 10.000.000 đồng.

- Từ ngày 22/3/2024 đến ngày 26/3/2024, **H** mua 04 (bốn) hoá đơn của **Công ty TNHH T9** (Mã số thuế: 0400532231, địa chỉ: **B P, phường H, TP Đà Nẵng**): ký hiệu hoá đơn C24TCS, số hoá đơn: 109, 116, 127 và 133 với tổng giá trị hàng hoá chưa tính thuế GTGT là 50.072.688 đồng. **H** trả tiền mua hoá đơn là 1,5% trên tổng giá trị hàng hoá là  $50.072.688đ \times 1,5\% = 751.090$  đồng. **H** chưa thanh toán tiền mua hoá đơn.

Tổng 36 (ba mươi sáu) số hoá đơn GTGT **H** đã mua vào có tổng giá trị hàng hoá chưa tính thuế là: 2.572.152.018 đồng. Tổng số tiền **H** chi ra để mua 36 hoá đơn: (6.905.408 đồng + 907.488 đồng + 1.807.118 đồng + 900.000 đồng + 10.000.000 đồng) = 20.520.014 đồng.

\* Từ tháng 01/2024 đến ngày 25/6/2024, **Võ Thị Thúy H** đã bán 41 hoá đơn GTGT cho nhiều Công ty, doanh nghiệp với giá 07 % trên giá trị hàng hoá chưa tính thuế như sau:

- Từ ngày 07/01/2024 đến ngày 25/6/2024, **Võ Thị Thúy H** và **Đỗ Thị Minh T2** là chủ **Doanh nghiệp tư nhân M** (Mã số thuế 4000465323) thoả thuận, khi bà **T2** cần hoá đơn GTGT thì liên lạc cho **H**, với giá bán là 7% trên giá trị hàng hoá là mặt hàng vận chuyển chưa tính thuế GTGT. Bà **H** xuất bán trái phép 35 (ba mươi lăm) hóa đơn GTGT (xuất hóa đơn không có hàng hoá là mặt hàng vận chuyển kèm theo) cho bà **Đỗ Thị Minh T2** với giá bán là 7% trên giá trị hàng hoá là mặt hàng vận chuyển chưa tính thuế GTGT. Sau khi xuất hoá đơn xong, **H** mang hoá đơn GTGT mà **T2** yêu cầu đến **Ngân hàng N - Chi nhánh Đ** gặp **Nguyễn Đỗ Ánh T3** – con bà **T2**. Tại đây, bà **T3** dùng Ủy nhiệm chi có chữ ký bà **T2** chuyển tiền từ tài khoản 4219201000500 đến tài khoản 9789978997899- **M1** của **công ty V** của **H**. Sau đó, **H** rút toàn bộ số tiền do **T2** chuyển đến. Sau trừ đi số tiền 07% tiền xuất hoá đơn bán cho **công ty M2**, **H** chuyển trả lại số tiền hàng hoá mặt hàng vận chuyển thực tế không phát sinh qua số TK 4219205090580 và TK 101002740323 của bà **Nguyễn Đỗ Ánh T3**. Với cách thức nêu trên, từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024, **H** đã xuất bán cho bà **T2** 35 hoá đơn giá trị gia tăng cho bà **Đỗ Thị Minh T2** với tổng số tiền là 4.186.302.000 đồng. **T2** chuyển cho **Công ty V** tổng số tiền là 4.407.307.200 đồng (trong đó, **T2** đưa tiền mặt cho **H** là 4.984.940 đồng). **H** chuyển lại cho bà **T2** tổng số tiền 4.119.251.000 đồng. Tổng số tiền bà **T2** chuyển cho **H** tiền mua hoá đơn 07%/35 hoá đơn là 293.041.140 đồng (chuyển tiền khoản là: 288.056.200 đồng và nhận tiền mặt 4.984.940 đồng).

Sau khi mua 35 hoá đơn nêu trên, **doanh nghiệp tư nhân M** đã kê khai vào tờ khai thuế GTGT quý 1/2024 và quý 2/2024. Ngày 11 tháng 9 năm 2024, Chi cục thuế khu vực **Đ** - Duy Xuyên có giấy mời **Doanh nghiệp tư nhân M** để giải trình các nội dung liên quan đến việc kê khai hoá đơn do **Công ty TNHH V1** bán. Ngày 24/10/2024, **Doanh nghiệp tư nhân M** kê khai bổ sung lần 2 quý I/2024 điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 16 hoá đơn, với số tiền chưa thuế điều chỉnh giảm: 983.586.000 đồng; kê khai bổ sung lần 1 quý II/2024 điều chỉnh giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 19 hoá đơn, với số tiền chưa thuế điều chỉnh giảm: 3.202.734.000 đồng.

- Ngày 29/02/2024, **Võ Thị Thúy H** xuất bán 01 (một) hoá đơn vận chuyển cho **Trường tiểu học N1** (Mã số thuế: 0401288674, địa chỉ: **A Ý, phường H, TP Đà Nẵng**)

thông qua người không rõ lai lịch số 01, ký hiệu hoá đơn: C24TLP, với giá trị hàng chưa thuế là 3.500.000đồng.

- Ngày 28/3/2024, **Võ Thị Thúy H** xuất bán 01 (một) hoá đơn vận chuyển cho **Công ty TNHH D2** (Mã số thuế: 3301535702, địa chỉ: **A Ý, phường H, TP Đà Nẵng**) thông qua người không rõ lai lịch số hoá đơn 02, ký hiệu hoá đơn: C24TLP, với giá trị hàng chưa thuế là 16.342.593 đồng.

- Ngày 11/4/2024, **Võ Thị Thúy H** xuất bán 01 (một) hoá đơn mặt hàng sửa chữa mặt đường cho **Công ty cổ phần C** (Mã số thuế: 0400101066, địa chỉ: **Số E, đường X, phường H, TP Đà Nẵng**) cho một người không rõ lai lịch số hoá đơn 03, ký hiệu hoá đơn: C24TLP, giá trị hàng chưa thuế là 7.518.519 đồng.

- Từ ngày 18/4/2024 đến ngày 20/4/2024, **Võ Thị Thúy H** xuất bán 03 (ba) hoá đơn nhân công cho **Công ty cổ phần X** (Mã số thuế 0101708991, địa chỉ: **Số D, Ngõ B, phố H, phường T TP Hà Nội**) cho một người không rõ lai lịch với các số hoá đơn 04: số tiền chưa thuế 18.259.259 đồng, hoá đơn số 05, số tiền chưa thuế: 17.453.704 đồng, hoá đơn số 06, số tiền chưa thuế: 5.101.852 đồng, ký hiệu 03 hoá đơn: C24TLP.

**Võ Thị Thúy H** chỉ nhận được tiền bán hoá đơn của bà **Đỗ Thị Minh T2** với số tiền 293.041.140 đồng và một người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch từ **Công ty cổ phần C** với số tiền 526.296 đồng, còn 05 (năm) hoá đơn còn lại thì bà **H** không liên lạc được nên không nhận tiền. Như vậy, tổng số tiền **H** thu lợi được từ việc bán 41 (bốn mươi một) hoá đơn là:  $(293.041.140đ + 526.296đ) = 293.567.436$  đồng.

Tổng số tiền **Võ Thị Thúy H** thu lợi bất chính từ hoạt động mua 36 hoá đơn và bán ra 41 hoá đơn GTGT:  $(293.567.436đ - 20.520.014đ) = 273.047.422$  đồng. **Đỗ Thị Minh T2** không thu lợi bất chính. Sau sự việc xảy ra, **Võ Thị Thúy H** đã tự nguyện nộp ngân sách nhà nước một phần số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng.

\* Tại Kết luận giám định Thuế đối với 35 hoá đơn của **Thuế Thành phố Đ**, thời gian giám định từ ngày 09/4/2025 đến 24/7/2025, kết luận:

- **Doanh nghiệp tư nhân M** có hành vi sử dụng không hợp pháp 35 hoá đơn GTGT được xác định là một trong những hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Tuy nhiên, Doanh nghiệp đã thực hiện kê khai điều chỉnh giảm thuế GTGT được khấu trừ và điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận tính thuế TNDN trước khi cơ quan **T4**, cơ quan có thẩm quyền phát hiện lập biên bản đối

với hành vi sử dụng không hợp pháp 35 hoá đơn này; căn cứ quy định của Luật Quản lý thuế, **Doanh nghiệp tư nhân M** không có hành vi trốn thuế.

- Doanh nghiệp đã có hành vi mua bán hoá đơn trái phép, sử dụng không hợp pháp hoá đơn; đây là hành vi vi phạm pháp hành chính về hoá đơn nhưng do số lượng hoá đơn lớn (35 tờ) nên bị điều chỉnh theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Với nội dung như trên, tại Bản án sơ thẩm số: 124/2025/HS-ST ngày 12/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Thị Thúy H** phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thị Thúy H** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2025 đến ngày 24/01/2025.

Phạt bổ sung bị cáo **Võ Thị Thúy H** 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Ngày 25/12/2026, bị cáo **Võ Thị Thúy H** có đơn kháng cáo với nội dung: Xin cấp phúc thẩm xem xét cho được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo và hợp lệ.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm số 124/2025/HS-ST ngày 12/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình, xử phạt bị cáo **Võ Thị Thúy H** 15 (Mười lăm) tháng tù. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo **Võ Thị Thúy H** tự nguyện nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí

hình sự sơ thẩm, đây tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, không nặng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Võ Thị Thúy H** có đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Vào tháng 11/2023, do muốn có tiền tiêu xài, **Võ Thị Thúy H** nảy sinh ý định thành lập doanh nghiệp để mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT). **H** mượn căn cước công dân của ông **Lê Quang P** để đăng ký thành lập **Công ty TNHH V** (mã số thuế 4001276304). Công ty này thực tế không hoạt động kinh doanh, không có địa điểm làm việc, không cung cấp dịch vụ vận tải như đăng ký, chỉ được lập ra để phục vụ việc mua bán hóa đơn.

Từ ngày 07/01/2024 đến ngày 25/6/2024, để hợp thức hoạt động kinh doanh, **H** lên mạng xã hội tìm các trang bán hoá đơn, rồi dùng “sim rác” (không nhớ số thuê bao) liên hệ mua đơn 36 hoá đơn giá trị gia tăng (các mặt hàng xi măng, xăng, bia) của một số công ty với giá từ 1,0% - 05% trên tổng giá trị hàng hoá. Cũng trong khoảng thời gian đó, **H** đã xuất bán 41 hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) theo yêu cầu của công ty, tổ chức, mỗi hoá đơn bán ra, **H** thu lợi 07% trên tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ xuất hoá đơn, cụ thể:

+ **H** bán trái phép 41 hoá đơn: 35 (ba mươi lăm) hoá đơn cho bà **Đỗ Thị Minh T2** với tổng giá trị hàng hoá chưa tính thuế là 4.186.302.000 đồng, 01(một) hoá đơn cho **Trường Tiểu học N1 - Đà Nẵng** giá trị hàng hoá chưa tính thuế là 3.500.000 đồng, 01(một) hoá đơn cho **Công ty D2 – thành phố H** với giá trị hàng hoá chưa tính thuế 16.342.592 đồng, 01(một) hoá đơn cho **Công ty Cổ phần C** với số tiền 7.518.519 đồng; 03 (ba) hoá đơn cho **Công ty X** – Hà Nội tổng số tiền 40.814.788 đồng.

+ **H** mua trái phép 36 hoá đơn, gồm: 01 (một) hoá đơn của **Công ty TNHH T5** với giá trị hàng hoá chưa có thuế là 18.000.000 đồng; 15 (mười lăm) hoá đơn của **Công ty TNHH Q** với tổng giá trị hàng hoá chưa có thuế là 138.109.617 đồng; 02 (hai) hoá đơn của **Doanh nghiệp tư nhân T6** với tổng giá trị hàng hoá chưa có thuế là 36.299.537 đồng; 04 (bốn) hoá đơn **Công ty T7** với tổng giá trị hàng hoá chưa có thuế là 72.284.722 đồng; 03 (ba) hoá đơn **Doanh nghiệp tư nhân S** với tổng giá trị hàng hoá chưa có thuế là 251.640.000 đồng; 07 (bảy) hoá đơn **Công ty TNHH T8** với tổng giá trị hàng hoá chưa có thuế là 2.005.745.454 đồng và 04 (bốn) hoá đơn của **Công ty TNHH T9** tổng giá trị hàng hoá chưa tính thuế là 50.072.688 đồng.

Tổng số tiền **Võ Thị Thúy H** thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hoá đơn là 273.047.422 đồng.

Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm 124/2025/HS-ST ngày 12/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đà Nẵng đã xét xử bị cáo **Võ Thị Thúy H** về tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

**[3]** Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, thấy

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, hợp thức hóa hàng hóa trôi nổi, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh lành mạnh, nên phải chịu hình phạt nghiêm khắc, để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo **Võ Thị Thúy H** tự nguyện nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền phạt bổ sung và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (theo Biên lai thu số 0001424 ngày 24/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng) đây tình tiết giảm nhẹ mới mà bị cáo được hưởng, theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số: 04/2015/ NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo **H** có nộp Kết quả siêu âm ngày 27/4/2026 của **Trung tâm Y tế K**, bị cáo đang có thai hơn 4 tuần. Tuy nhiên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xử phạt bị cáo **Võ Thị Thúy H** 15 (Mười lăm) tháng tù là phù hợp, không nặng, nên

HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo **Võ Thị Thúy H** không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Võ Thị Thúy H**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Thị Thúy H** 15 (Mười lăm) tháng tù về tội : “*Mua bán trái phép hóa đơn*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2025 đến ngày 24/01/2025.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 83/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo **Võ Thị Thúy H** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CATP Đà Nẵng (PV 27);
- Vụ 1;
- Công an thành phố Đà Nẵng ;
- TAND khu vực 10 - Đà Nẵng ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng THA khu vực 10 - Đà Nẵng;
- TB kết quả xét xử;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**Đỗ Thị Thúy Năng**